

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TKD24B5**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH03243**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Thống kê ứng dụng**

Số TC: **3**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2453403020176	Võ Văn	An	14/01/2007	0	0	0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
2	2453403020177	Bùi Thị Ngọc	Anh	03/03/2009	4	8	7	8.0	7.0	9.0		1.5	9.5	8.7
3	2453403020178	Lâm Thị Kim	Anh	15/08/2009	8	10	10	7.0	9.0	9.0		1.0	9.8	9.3
4	2453403020179	Nguyễn Trương Huỳnh	Anh	27/02/2009	10	10	7	10.0	7.0	10.0		2.0	0.0	4.8
5	2453403020180	Huỳnh Vũ Khánh	Băng	15/05/2009	0	0	0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
6	2453403020181	Phan Thị Khánh	Băng	06/10/2009	10	10	7	10.0	7.0	10.0		2.0	9.8	9.5
7	2453403020182	Nguyễn Thị Kim	Châu	20/08/2009	5	7	10	7.0	8.0	10.0		1.0	10.0	9.2
8	2453403020183	Huỳnh Thị Thùy	Dương	30/01/2009	7	8	7	8.0	9.0	10.0		1.0	9.0	8.8
9	2453403020184	Lê Huỳnh	Đức	17/09/2009	7	3	7	9.0	8.0	8.0		1.0	9.0	8.4
10	2453403020185	Nguyễn Bảo	Hưng	25/07/2009	2	5	5	9.0	6.0	7.0		1.0	9.5	8.2
11	2453403020186	Lê Minh	Khải	01/10/2009	7	3	8	9.0	6.0	5.0		1.0	9.5	8.3
12	2453403020187	Bùi Minh	Khang	12/02/2009	7	3	7	9.0	8.0	10.0		1.0	5.0	6.2
13	2453403020188	Bùi Tấn	Kiệt	04/10/2009	8	3	7	8.0	9.0	5.0		1.0	5.0	5.8
14	2453403020189	Mai Phi	Long	26/02/2009	10	3	7	9.0	8.0	10.0		1.5	9.8	9.2
15	2453403020190	Nguyễn Ngọc Thảo	Ly	14/09/2009	5	8	10	8.0	8.0	10.0		1.5	7.8	8.0
16	2453403020191	Hồ Bảo	My	09/10/2009	9	9	7	10.0	8.0	10.0		1.0	9.8	9.5
17	2453403020192	Nguyễn Hoàng	Mỹ	08/05/2009	6	5	10	6.0	9.0	9.0		1.0	9.0	8.5
18	2453403020193	Trương Văn	Nam	26/06/2009	2	7	7	8.0	8.0	10.0		2.0	9.5	8.7
19	2453403020194	Trương Thị Mỹ	Ngân	23/10/2009	5	7	10	8.0	6.0	10.0		2.0	9.3	8.7
20	2453403020195	Nguyễn Thụy Bảo	Ngọc	05/11/2009	9	10	7	10.0	6.0	9.0		2.0	9.3	9.0
21	2453403020196	Trần Kim	Ngọc	12/06/2009	10	8	10	10.0	5.0	10.0		1.0	0.0	4.1
22	2453403020197	Trần Như	Ngọc	30/03/2009	7	8	7	10.0	6.0	10.0		1.0	8.5	8.4
23	2453403020198	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	06/03/2008	0	0	0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
24	2453403020199	Huỳnh Lê Tuyết	Như	28/07/2009	4	5	7	5.0	5.0	6.0		1.0	8.8	7.4
25	2453403020200	Trần Đào Nhật	Phát	11/12/2009	10	8	10	8.0	8.0	9.0		1.0	0.0	4.1
26	2453403020201	Võ Hoàng	Phúc	11/07/2009	0	0	0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
27	2453403020202	Huỳnh Thị	Soan	02/10/2009	8	7	10	7.0	8.0	10.0		1.0	8.5	8.4
28	2453403020203	Võ Văn	Tâm	14/07/2009	8	1	5	9.0	8.0	5.0		1.0	7.0	6.8
29	2453403020204	Nguyễn Quốc	Thái	11/04/2009	8	5	5	10.0	6.0	5.0		1.0	9.5	8.4
30	2453403020205	Nguyễn Duy	Thanh	07/05/2009	8	8	5	9.0	9.0	10.0		2.0	8.8	8.7
31	2453403020206	Nguyễn Thanh	Thanh	18/02/2009	0	0	0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
32	2453403020207	Hà Thanh	Toàn	24/03/2009	7	5	7	9.0	8.0	9.0		1.0	5.0	6.2
33	2453403020208	Nguyễn Thị Thùy	Trang	17/05/2009	7	10	7	10.0	9.0	10.0		1.0	7.5	8.1
34	2453403020209	Nguyễn Thị Tường	Vy	04/04/2009	7	7	8	5.0	6.0	10.0		2.0	9.0	8.2
35	2453403020210	Dương Hải	Yến	27/04/2009	10	10	7	5.0	7.0	8.0		1.5	9.5	8.7
36	2453403020211	Huỳnh Thị Kim	Yến	04/10/2009	10	10	7	10.0	5.0	10.0		1.5	8.0	8.2

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
37	2453403020212	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	27/01/2009		10	5	7	4.0	5.0	5.0		1.0	9.8	8.1
38	2453403020213	Võ Phi	Yến	10/09/2009		8	10	8	10.0	10.0	8.0		1.5	8.0	8.4

Châu Đốc, ngày 17 tháng 3 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Từ Cao Thanh Hà